|  |
| --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG VĂN**  **HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT**  **TÀI LIỆU**  **HỘI NGHỊ TUYÊN TRUYỀN PHÁP LUẬT, PHỔ BIẾN MỘT SỐ VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI BAN HÀNH QUÝ IV NĂM 2023**  *Đồng Văn, tháng 10 năm 2023* |

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** |
| 1 | Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023 |
| 2 | Luật Giá năm 2023 |
| 3 | Luật giao dịch điện tử năm 2023 |
| 4 | Luật Hợp tác xã năm 2023 |
| 5 | Luật Đấu thầu năm 2023 |
| 6 | Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ Quy định về tinh giản biên chế |
| 7 | Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023, của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố |
| 8 | Nghị định 48/2023/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 90/2020/NĐ-CP về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức. |
| 9 | Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 15/07/2023 của HĐND tỉnh Hà Giang,Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch đến năm 2028 trên địa bàn tỉnh Hà Giang |
| 10 | Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 15/07/2023 của HĐND tỉnh Hà Giang, Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với người trực tiếp trông coi di tích và nghệ nhân lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh Hà Giang |
| 11 | Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 15/07/2023 của HĐND tỉnh Hà Giang, Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc, tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập; mức thù lao đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn, tâm lý xã hội quản lý, hỗ trợ đối với các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh Hà Giang |
| 12 | Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 15/07/2023 của HĐND tỉnh Hà Giang, hỗ trợ kinh phí hoàn tất thủ tục hưởng chế độ trợ giúp xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Hà Giang |
| 13 | [Thông tư 56/2023/TT-BTC quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành](https://thuvienphapluat.vn/bulletin/document.aspx?key=JzYImIsPMx9r7Sj5Y2mv5A%3d%3d&bid=85632583-865a-495c-9c58-954de7e2ae76) |
| 14 | [Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 15/07/2023 của HĐND tỉnh Hà Giang, quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang](https://dbnd.hagiang.gov.vn/Default.aspx?sname=dbndhp&sid=120&pageid=3096&ivb=1221) |
| 15 | Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 15/07/2023 của HĐND tỉnh Hà Giang, Nghị quyết quy định múc chi thực hiện đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030" trên địa bàn tỉnh Hà Giang |
| 16 | Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 15/07/2023 của HĐND tỉnh Hà Giang, Nghị quyết quy định nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với các công trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các huyện trong kế hoạch phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 |

**ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU**

**LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG**

**I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG.**

Sau hơn 10 năm thi hành Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010, đã xuất hiện nhiều vấn để bất cập trong chính các quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các văn bản hướng dẫn. Sự bất cập này có thể đến từ việc sự phát triển kinh tế xã hội của khu vực và thế giới cũng như sự xuất hiện của nhiều phương thức kinh doanh, tiêu dùng mới mà thời điểm xây dựng Luật chưa xuất hiện. Sự bất cập này còn xuất hiệu do sự thay đổi của chính sách, pháp luật trong các lĩnh vực khác có sự thay đổi dẫn đến sự không phù hợp, sự “vênh” giữa các văn bản pháp luật hiện hành.

Một số hạn chế bất cập nổi bật trong các quy định có thể chỉ ra là:

– Chưa phát huy rõ vai trò, trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ người tiêu dùng.

– Chưa “định vị” được vị trí của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong quan hệ với các Luật chuyên ngành cũng như chưa quy định rõ về trách nhiệm của các cơ quan tổ chức khác trong việc phối hợp thực hiện các quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

– Chưa có cơ chế kêu gọi toàn xã hội tham gia vào công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, đặc biệt chưa có cơ chế phù hợp để thành lập và tạo điều kiện cho các tổ chức xã hội tham gia bảo vệ người tiêu dùng hoạt động chuyên nghiệp, hiệu quả.

– Một số quy định hiện nay chỉ phù hợp với các giao dịch, kinh doanh – tiêu dùng có tính “truyền thống” mà chưa tính đến mô hình kinh doanh có yếu tố mới, đặc biệt là mô hình ứng dụng sự phát triển của thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh dựa trên nền tảng chia sẻ, kinh tế số và khoa học công nghệ 4.0.

– Một số trách nhiệm bảo vệ người tiêu dùng của[**doanh nghiệp**](http://decuongtuyentruyen.com/de-cuong-luat/de-cuong-tuyen-truyen-luat-doanh-nghiep-sua-doi-nam-2020/) đã không còn phù hợp, đầy đủ do sự xuất hiện của nhóm người tiêu dùng mới hoặc hành vi tiêu dùng mới.

– Nhiều hành vi xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng mới xuất hiện nhưng chưa được bổ sung vào phần các hành vi cấm hoặc nghĩa vụ của các chủ thể có liên quan.

– Các quy định liên quan đến hợp đồng giao kết với người tiêu dùng, hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung chưa thực sự chặt chẽ, đầy đủ, rõ ràng, đặc biệt là trong bối cảnh thời đại cách mạng công nghiệp lần thứ 4 khi sự phát triển không ngừng của Internet càng làm gia tăng vai trò của hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung; một số quy định còn thiếu tính linh hoạt, không cho phép tính toán đến hoàn cảnh, lĩnh vực kinh doanh đặc thù của từng loại thị trường.

– Các quy định liên quan đến cung cấp bằng chứng giao dịch, bảo hành, thu hồi hàng hóa khuyết tật được thiết kế lỏng lẻo và sơ sài khiến các chủ thể liên quan gặp khó trong việc thực hiện Ví dụ: quy định các tổ chức, cá nhân kinh doanh chỉ phải báo cáo kết quả sau khi thực hiện xong việc thu hồi sản phẩm khuyết tật khiến việc giám sát quá trình này gặp khó khăn.

– Các phương thức [**giải quyết tranh chấp**](https://trangtinphapluat.com/blog/bai-viet-hay/quan-ly-hanh-chinh/mot-so-sai-sot-trong-giai-quyet-khieu-nai-tranh-chap-dat-dai/) giữa người tiêu dùng và các tổ chức, cá nhân kinh doanh chưa được quy định phù hợp và đầy đủ (ví dụ: không thương lượng với vụ việc [**khiếu nại nhiều người**](https://youtu.be/fovV6CRjMTI), áp dụng thủ tục của trọng tài thương mại để giải quyết tranh chấp tiêu dùng hay sự chưa phù hợp giữa Luật Bảo vệ người tiêu dùng và Luật Tố tụng dân sự trong việc áp dụng thủ tục đơn giản/rút gọn…) khiến cho nhiều khiếu nại không được giải quyết.

– Cơ chế tiếp nhận và giải quyết yêu cầu tại cơ quan nhà nước hiện tại được thiết kế “lửng lơ” (chỉ quy định rõ về ủy ban nhân dân cấp huyện) khiến thực tế không phát huy được hiệu quả.

– Chưa thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm của người tiêu dùng trong việc thúc đẩy sản xuất, tiêu dùng bền vững.

Để khắc phục những bất cập, hạn chế của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các văn bản hướng dẫn hiện hành, đáp ứng được các yêu cầu khách quan về tăng cường và đẩy mạnh hiệu quả của công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong giai đoạn phát triển kinh tế  xã hội hiện nay và các giai đoạn phát triển tiếp theo thì việc sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 là rất cần thiết.**.**

**II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT ĐẤU THẦU NĂM 2023.**

**1. Khái quát chung về Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023.**

Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sửa đổi) được Quốc hội khoá XIV thông qua tại kỳ họp thứ V ngày 20/6/2023 gồm 07 Chương, 80 Điều; sửa đổi, bổ sung toàn bộ các Điều (bao gồm các Điều được bỏ, chuyển nội dung sang Điều khác, bổ sung 03 Điều); và bổ sung khoản 5 của Điều 317 Bộ luật Tố tụng[**dân sự**](http://decuongtuyentruyen.com/tim-hieu-luat/dieu-kien-co-hieu-luc-cua-giao-dich-dan-su/) để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật liên quan đến bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Luật Bảo vệ Quyền lợi người tiêu dùng có hiệu lực từ ngày /7/2024.

**2. Nội dung cơ bản và những điểm mới của Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023.**

**2.1. Nội dung cơ bản của Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023.**

**2.2. Những điểm mới của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023.**

**- Về phạm vi điều chỉnh,** Luật quy định về nguyên tắc, chính sách bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh đối với người tiêu dùng; hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng của cơ quan, tổ chức; giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh; quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

**- Đối tượng áp dụng của Luật gồm:** Người tiêu dùng, tổ chức, cá nhân kinh doanh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan đến bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Luật bổ sung tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp (tổ chức xã hội) tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sửa đổi) quy định rõ hơn về Quyền của người tiêu dùng. Theo đó, người tiêu dùng được bảo đảm an toàn tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, bảo vệ thông tin, quyền, lợi ích hợp pháp khác khi tham gia giao dịch, sử dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ do tổ chức, cá nhân kinh doanh cung cấp. Được cung cấp hoá đơn, chứng từ, tài liệu liên quan đến giao dịch; thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, nội dung giao dịch, nguồn gốc, xuất xứ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và về tổ chức, cá nhân kinh doanh. Lựa chọn sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, tổ chức, cá nhân kinh doanh theo nhu cầu, điều kiện thực tế của mình; quyết định tham gia hoặc không tham gia giao dịch; thoả thuận các nội dung giao dịch với tổ chức, cá nhân kinh doanh; được cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đúng với nội dung đã giao kết. Góp ý với tổ chức, cá nhân kinh doanh về giá, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, phong cách phục vụ, phương thức giao dịch và nội dung liên quan đến giao dịch giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh. Yêu cầu tổ chức, cá nhân kinh doanh bồi thường thiệt hại khi sản phẩm, hàng hóa có khuyết tật, sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, không bảo đảm an toàn, đo lường, số lượng, khối lượng, chất lượng, công dụng, giá, nội dung khác theo quy định của pháp luật hoặc không đúng với đăng ký, thông báo, công bố, niêm yết, quảng cáo, giới thiệu, giao kết, cam kết của tổ chức, cá nhân kinh doanh.

Ngoài ra, người tiêu dùng được tham gia xây dựng chính sách, pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện hoặc đề nghị tổ chức xã hội khởi kiện để bảo vệ quyền lợi của mình theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. Được tư vấn, hỗ trợ, hướng dẫn về kiến thức và kỹ năng tiêu dùng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ. Được tạo điều kiện lựa chọn môi trường tiêu dùng lành mạnh và bền vững. Được bảo vệ khi sử dụng dịch vụ công theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sửa đổi) cũng quy định rõ hơn về việc thông báo khi thu thập, sử dụng thông tin của người tiêu dùng. Theo đó, tổ chức, cá nhân kinh doanh phải thông báo rõ ràng, công khai, bằng hình thức phù hợp với người tiêu dùng về mục đích, phạm vi thu thập, sử dụng thông tin, thời hạn lưu trữ thông tin của người tiêu dùng trước khi thực hiện và phải được người tiêu dùng đồng ý, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Tổ chức, cá nhân kinh doanh phải thiết lập phương thức rõ ràng để người tiêu dùng lựa chọn phạm vi thông tin đồng ý cung cấp và bày tỏ sự đồng ý hoặc không đồng ý, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, điểm b, và điểm c khoản 3 Điều 18 của Luật này. Tổ chức, cá nhân kinh doanh không phải thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp thu thập thông tin đã được người tiêu dùng công khai hoặc trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

**-Quy định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh với người tiêu dùng trong các giao dịch trên không gian mạng**

Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sửa đổi) quy định rõ hơn về Trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết [phản ánh, yêu cầu, khiếu nại](http://decuongtuyentruyen.com/bai-giang/bai-giang-nghi-dinh-124-2020-nd-cp-huong-dan-luat-khieu-nai/) của người tiêu dùng. Theo đó, tổ chức, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại của người tiêu dùng. Tổ chức, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm thông báo cho người tiêu dùng về việc tiếp nhận phản ánh, yêu cầu, khiếu nại của người tiêu dùng trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phản ánh, yêu cầu, khiếu nại đó. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa hoặc trực tiếp cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho người tiêu dùng có trách nhiệm xây dựng và công khai quy trình tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại của người tiêu dùng niêm yết ở vị trí dễ nhìn thấy tại trụ sở, địa điểm kinh doanh và đăng tải trên trang thông tin điện tử, phần mềm ứng dụng (nếu có). Quy định tại khoản này không bắt buộc áp dụng đối với cá nhân hoạt động thương mại độc lập, thường xuyên, không phải đăng ký kinh doanh, tất cả doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định của pháp luật.

Mặt khác, Luật cũng quy định rõ Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh với người tiêu dùng trong các giao dịch trên không gian mạng. Theo đó, tổ chức, cá nhân kinh doanh trên [**không gian mạng**](http://decuongtuyentruyen.com/bai-giang/bai-giang-bo-quy-tac-ung-xu-tren-mang-xa-hoi/) bao gồm: Tổ chức, cá nhân kinh doanh sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thông qua hệ thống thông tin tự mình thiết lập hoặc thông qua các nền tảng số. Tổ chức thiết lập, vận hành nền tảng số trung gian. Tổ chức, cá nhân kinh doanh trên không gian mạng có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37và Điều 38 của Luật này, Mục 2 Chương này trong trường hợp cung cấp dịch vụ liên tục.

Ngoài trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều này, tổ chức thiết lập, vận hành nền tảng số trung gian có trách nhiệm chỉ định, công bố công khai đầu mối liên hệ, người đại diện được ủy quyền phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;  Xây dựng, công bố công khai quy chế hoạt động của nền tảng số cho người tiêu dùng trong đó phân định rõ trách nhiệm của các bên tham gia giao dịch; Cung cấp thông tin về tổ chức, cá nhân kinh doanh hoạt động trên nền tảng số khi người tiêu dùng giao dịch với tổ chức, cá nhân kinh doanh đó có yêu cầu.

**ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU**

**LUẬT GIÁ NĂM 2023**

**I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG.**

Luật giá số 11/2012/QH13 được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIII, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013 thay thế Pháp lệnh giá năm 2002 đã góp phần quan trọng trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật dân sự kinh tế; Qua đó, tạo khung pháp lý đầy đủ cho công tác quản lý, điều hành giá được thực hiện nhất quán theo cơ chế thị trường theo hướng khuyến khích cạnh tranh về giá, tôn trọng quyền tự định giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh, tôn trọng các quy luật kinh tế khách quan chi phối sự hình thành và vận động của giá cả thị trường; đồng thời bảo đảm sự điều tiết của Nhà nước về giá chủ yếu bằng các biện pháp gián tiếp vĩ mô phù hợp với các cam kết quốc tế.

Sau 9 năm thực hiện, Luật giá đã đi vào cuộc sống, đạt được nhiều kết quả tích cực; đồng thời cũng phát sinh tồn tại, hạn chế, nhất là tính thống nhất, đồng bộ giữa Luật giá và các Luật chuyên ngành khác có quy định về giá.

Mục đích xây dựng Luật Giá (sửa đổi), nhằm thể chế hóa đầy đủ, đúng chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế thị trường, có sự điều tiết của nhà nước, theo đó Luật giá phải quy định đúng đắn, hợp lý về vai trò quản lý nhà nước; xác định rõ ranh giới, mức độ, phạm vi, biện pháp điều tiết của Nhà nước đối với thị trường trên cơ sở tôn trọng quy luật thị trường, khắc phục những tác động tiêu cực của thị trường, nhưng mặt khác vẫn phải bảo đảm quyền tự định đoạt, tự do kinh doanh của doanh nghiệp; tiếp tục đổi mới để làm tăng tính cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp, tránh can thiệp bằng mệnh lệnh hành chính; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng, nhất là đối tượng yếu thế nhưng không bao cấp.

Đồng thời, khắc phục những vướng mắc về thể chế, những lỗ hổng chính sách; những bất hợp lý của hệ thống pháp luật đang cản trở quá trình phát triển; tạo sự minh bạch trong quản lý nhà nước về giá, công khai thông tin doanh nghiệp; xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có thẩm quyền. Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, cụ thể, khả thi của Luật giá với hệ thống pháp luật, phù hợp với các cam kết quốc tế; đơn giản hóa các thủ tục hành chính.

Bởi vì những lý do trên nên ngày 19/6/2023 tại kỳ họp thứ V Quốc Hội khoá XIX đã thông qua Luật Giá số 16/2023/QH15.

**II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT GIÁ NĂM 2023.**

**1.Khái quát chung về Luật giá năm 2023**.

Ngày 19/6/2023, Quốc hội đã thông qua Luật Giá số 16/2023/QH15 (sau đây gọi là Luật Giá 2023). Luật Giá 2023 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 60 của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Luật Giá (sửa đổi) sau khi tiếp thu, chỉnh lý được thông qua gồm 8 Chương, 75 Điều quy định về quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và người tiêu dùng trong lĩnh vực giá; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý Nhà nước về giá, thẩm định giá; hoạt động quản lý, điều tiết giá của Nhà nước; tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường, cơ sở dữ liệu về giá; thẩm định giá; thanh tra chuyên ngành về giá, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá; điều khoản thi hành…

**2. Những nội dung cơ bản của Luật giá năm 2023.**

- Chương I. Những quy định chung.

- Chương II. Quyền, nghĩa vụ của tổ chức cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ và người tiêu dùng trong lĩnh vực giá.

- Chương III. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá.

- Chương IV. Hoạt động quản lý, điều tiết giá của nhà nước.

- Chương V. Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường, cơ sở dữ liệu về giá.

- Chương VI. Thẩm định giá.

- Chương VII. Thanh tra chuyên nành về giá, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

**-** Chương VIII. Điều khoản thi hành.

**3. Những điểm mới của Luật giá năm 2023.**

2**.1. Quy định rõ phạm vi điều chỉnh của Luật này**; đồng thời xác định rõ quan hệ giữa Luật giá với các luật khác có quy định về giá để khắc phục những hạn chế, bất cập việc quy định về giá giữa Luật Giá và các luật chuyên ngành khác. Theo đó, Luật này quy định về quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân, người tiêu dùng trong lĩnh vực giá, thẩm định giá; hoạt động quản lý, điều tiết giá của Nhà nước; tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; cơ sở dữ liệu về giá; thẩm định giá; thanh tra chuyên ngành về giá, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

**2.2. Về công tác định giá:**Quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan ngang Bộ và UBND cấp tỉnh. Quy định cụ thể 42 nhóm hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.

**2.3. Về bình ổn giá:**Được củng cố, kiện toàn cho phù hợp với tình hình mới; là việc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện các giải pháp, biện pháp theo quy định của Luật này nhằm ổn định giá hàng hóa, dịch vụ khi giá biến động bất thường về giá trong một khoảng thời gian nhất định.

Bổ sung mặt hàng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản vào loại danh mục hàng hóa được bình ổn giá, ngược lại, đưa các mặt hàng điện, muối ăn, đường ăn ra khỏi danh sách này.

Quy định rõ hơn về các biện pháp bình ổn giá, quy trình triển khai đảm bảo thuận lợi, phù hợp với thực tiễn. Bên cạnh đó, trong trường hợp phát sinh tình huống đặc biệt như tình trạng khẩn cấp, sự cố, thảm họa, dịch bệnh, thiên tai, tại Điều 20 của Luật cũng đã bổ sung cơ chế triển khai bình ổn giá ngay đối với các hàng hóa, dịch vụ ngoài danh mục. Quy định này nhằm tạo sự linh hoạt cho việc triển khai bình ổn giá trong các tình trạng cấp bách, cần triển khai gấp, kịp thời.

**2.4.Về việc hiệp thương giá**: Được xác định là cơ chế thỏa thuận về giá hàng hóa, dịch vụ giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp và có vai trò trung gian, trọng tài của Nhà nước. Theo đó, quy định rõ nguyên tắc áp dụng để đảm bảo hài hòa quyền, lợi ích của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường; đồng thời quy định rõ phạm vi áp dụng kết quả hiệp thương để tránh các trường hợp áp dụng không phù hợp.

**2.5.Về biện pháp kê khai giá:** Được sửa đổi để quy định rõ là một hình thức tiếp nhận thông tin về giá hàng hóa, dịch vụ để phục vụ công tác tổng hợp, phân tích, dự báo của các cơ quan Nhà nước. Luật này cũng quy định việc kê khai được tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện sau khi quyết định giá (so với hiện hành là phải kê khai trước khi quyết định giá) nhằm tạo thuận lợi cho thực tiễn triển khai tại đơn vị.

**2.6.Về tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường:** công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường đã được thể chế hóa cụ thể tại 01 Chương của Luật nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai nhiệm vụ, góp phần thực hiện đảm bảo bảo tốt cho công tác điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ, hoàn thành mục tiêu kiểm soát lạm phát trong các thời kỳ.

**2.7. Về thẩm định giá:** Củng cố kiện toàn hoạt động thẩm định giá, sửa đổi hoàn thiện cơ sở pháp lý để thúc đẩy phát triền đồng thời nâng cao hoạt động, cụ thể. Tại Luật giá 2023 đã khẳng định rõ tính chất của hoạt động thẩm định giá là hoạt động tư vấn, “bán lời khuyên” về giá trị tài sản thẩm định giá, không có ý nghĩa quyết định trong việc định giá tài sản; việc quyết định giá tài sản vẫn do chủ sở hữu theo đúng quy định tại Bộ Luật dân sự. Luật cũng quy định cụ thể các điều kiện về thi, cấp thẻ thẩm định viên về giá, hành nghề thẩm định giá để đảm bảo phát triển nguồn nhân lực, thúc đẩy ngành nghề phát triển.

**2.8. Về thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá:**Luật Giá năm 2023 đã quy định 01 Chương về nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm của các đơn vị trong việc triển khai kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá. Qua đó, tăng cường cơ sở pháp lý cho khâu giám sát, hậu kiểm việc chấp hành của các tổ chức, cá nhân trong tuân thủ quy định của pháp luật về giá

**ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU**

**LUẬT GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ NĂM 2023**

**I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG.**

Luật Giao dịch điện tử (GDĐT) đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2006. Luật GDĐT 2005 được xây dựng trên cơ sở Luật mẫu về Thương mại điện tử của Ủy ban Liên hiệp quốc về Luật Thương mại quốc tế (UNCITRAL). Luật GDĐT được xem là luật khung, quy định những vấn đề kỹ thuật, đặc thù phát sinh trên môi trường điện tử.

Tuy nhiên trải qua quá trình triển khai thực hiện Luật giao dịch điện tử năm 2005 đã bộc lộ những tồn tại hạn chế *như* Nội dung cơ bản của Luật giao dịch điện tử 2005 bám theo Luật mẫu của Liên Hợp Quốc nên còn mang tính khung và mang tính nguyên tắc chung. Luật mẫu của Liên Hợp Quốc có xu hướng viết cho các nước đã phát triển, nơi có hệ thống, pháp luật và văn hoá khá khác biệt với Việt Nam. Vì vậy, khi áp dụng vào Việt Nam thì nảy sinh một số bất cập khó thực thi trong thực tế, đặc biệt là đối với vấn đề đảm bảo giá trị pháp lý của giao dịch điện tử. Việc áp dụng giao dịch điện tử vẫn khó khăn do thiếu các quy định cụ thể của Luật GDĐT 2005. Hơn nữa, Luật GDĐT 2005 còn loại trừ không áp dụng cho khá nhiều lĩnh vực quan trọng trong đời sống, kinh tế và xã hội. Trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, đặc biệt do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, nhu cầu giao dịch điện tử đã bùng phát mạnh mẽ trong tất cả các lĩnh vực hành chính, dân sự, kinh tế và xã hội, môi trường và phương thức giao dịch cũng có nhiều thay đổi với sự xuất hiện ngày càng nhiều các nền tảng số làm trung gian cho các giao dịch điện tử trực tuyến, đòi hỏi phải có khung pháp lý phù hợp đáp ứng nhu cầu thực tế, đảm bảo thể chế pháp luật phải theo kịp sự phát triển. Việc sửa đổi Luật GDĐT (sửa đổi) nhằm thể chế hóa đầy đủ, kịp thời đường lối, chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 52/NQ-TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và chính sách của Nhà nước về chuyển đổi số quốc gia, góp phần thúc đẩy phát triển ổn định kinh tế - xã hội của đất nước; tạo hành lang pháp lý hoàn thiện để thực hiện chuyển đổi các hoạt động từ môi trường thực sang môi trường số trong tất cả các ngành, lĩnh vực; khắc phục những bất cập, tồn tại, hạn chế của Luật hiện hành, đặc biệt là đối với vấn đề bảo đảm giá trị pháp lý của giao dịch điện tử; luật hóa các vấn đề thực tiễn yêu cầu và bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật hiện hành. Do đó ngày 22/6/2023, tài Kỳ họp thứ 5, Quốc hội Khóa XV đã thông qua Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 với tỷ lệ biểu quyết đạt tỉ lệ 94,74% (Luật Giao dịch điện tử 2023). Luật Giao dịch điện tử 2023 gồm 8 chương, 53 điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2024, thay thế Luật Giao dịch điện tử năm 2005.

**II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ NĂM 2023.**

**1.Khái quát chung về Luật Giao dịch điện tử năm 2023.** Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 được Quốc hội khoá XIV, kỳ họp thứ V thông quá gồm 8 chương, 53 điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2024, thay thế Luật Giao dịch điện tử năm 2005

**2. Nội dung chính của Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) năm 2023.**

- Chương I. Những quy định chung.

- Chương II. Thông điệp dữ liệu.

- Chương III. Chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy.

- Chương IV. Giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử.

- Chương V. Giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước.

- Chương VI. Hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử.

- Chương VII. Quản lý nhà nước về giao dịch điện tử.

**-** Chương VIII.Điều khoản thi hành.

**3. Những điểm mới của Luật giao dịch điện tử năm 2023.**

**Một là,** về phạm vi điều chỉnh, Luật Giao dịch điện tử giúp nhiều luật hiện nay có ngay hiệu lực thi hành trên môi trường số. Theo đó, Luật chỉ quy định việc thực hiện giao dịch bằng phương tiện điện tử, không quy định về nội dung, hình thức, điều kiện của giao dịch thuộc các lĩnh vực khác nhau, trong đó có lĩnh vực quốc phòng, an ninh. Giao dịch trong lĩnh vực nào sẽ được điều chỉnh bởi pháp luật chuyên ngành của lĩnh vực đó.

**Hai là,** luật mới đã kế thừa, sửa đổi, bổ sung khái niệm “chữ ký điện tử”, “chữ ký số”, “dấu thời gian”, “hợp đồng điện tử”, “dữ liệu số”, “dữ liệu chủ”, “môi trường điện tử”, “chứng thư điện tử”, “dịch vụ chứng thực chữ ký số”, “người trung gian”...

Theo Điều 3 Luật Giao dịch điện tử 2023:

 Chữ ký điện tử là chữ ký được tạo lập dưới dạng dữ liệu điện tử gắn liền hoặc kết hợp một cách lô gíc với thông điệp dữ liệu để xác nhận chủ thể ký và khẳng định sự chấp thuận của chủ thể đó đối với thông điệp dữ liệu.

Chữ ký số là chữ ký điện tử sử dụng thuật toán khóa không đối xứng, gồm khóa bí mật và khóa công khai, trong đó khóa bí mật được dùng để ký số và khóa công khai được dùng để kiểm tra chữ ký số. Chữ ký số bảo đảm tính xác thực, tính toàn vẹn và tính chống chối bỏ nhưng không bảo đảm tính bí mật của thông điệp dữ liệu.  
Hợp đồng điện tử là hợp đồng được thiết lập dưới dạng thông điệp dữ liệu…

**Ba là,** về hành vi bị nghiêm cấm trong giao dịch điện tử, luật quy định chi tiết cụ thể hơn những nội dung và hành vi bị nghiêm cấm, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tuân thủ luật.

Cụ thể, Điều 6 Luật Giao dịch điện tử 2023 đã quy định một cách cụ thể, rõ ràng hơn về những hành vi bị nghiêm cấm trong giao dịch điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng luật.

Các hành vi bị cấm bao gồm:

Lợi dụng giao dịch điện tử xâm phạm đến lợi ích quốc gia, dân tộc, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Cản trở hoặc ngăn chặn trái pháp luật quá trình tạo ra, gửi, nhận, lưu trữ thông điệp dữ liệu hoặc có hành vi khác nhằm phá hoại hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử.

Thu thập, cung cấp, sử dụng, tiết lộ, hiển thị, phát tán, kinh doanh trái pháp luật thông điệp dữ liệu.

Giả mạo, làm sai lệch hoặc xóa, hủy, sao chép, di chuyển trái pháp luật một phần hoặc toàn bộ thông điệp dữ liệu.

Tạo ra thông điệp dữ liệu nhằm thực hiện hành vi trái pháp luật.

Gian lận, giả mạo, chiếm đoạt hoặc sử dụng trái pháp luật tài khoản giao dịch điện tử, chứng thư điện tử, chứng thư chữ ký điện tử, chữ ký điện tử.

Cản trở việc lựa chọn thực hiện giao dịch điện tử.

Hành vi khác bị nghiêm cấm theo quy định.

**Bốn là,** về thông điệp dữ liệu, thông điệp dữ liệu có giá trị như văn bản, thông điệp dữ liệu có giá trị như bản gốc, thông điệp dữ liệu có giá trị dùng làm chứng cứ tạo căn cứ pháp lý cho việc triển khai trên thực tế.

Thêm một điểm mới của Luật Giao dịch điện tử 2023 là việc bổ sung thêm quy định về việc chuyển đổi hình thức giữa văn bản giấy và thông điệp dữ liệu.

Theo khoản 2 Điều 12 của Luật Văn bản giấy được chuyển đổi từ thông điệp dữ liệu phải đáp ứng đủ các yêu cầu sau đây:

Thông tin trong văn bản giấy được bảo đảm toàn vẹn như thông điệp dữ liệu;

Có thông tin để xác định được hệ thống thông tin và chủ quản hệ thống thông tin tạo lập, gửi, nhận, lưu trữ thông điệp dữ liệu gốc để tra cứu;

Có ký hiệu riêng xác nhận đã được chuyển đổi từ thông điệp dữ liệu sang văn bản giấy và thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện chuyển đổi;

Trường hợp thông điệp dữ liệu là chứng thư điện tử thì việc chuyển đổi phải đáp ứng yêu cầu quy định tại các điểm a, b và c khoản này và phải có chữ ký, con dấu (nếu có) của cơ quan, tổ chức thực hiện chuyển đổi theo quy định của pháp luật. Hệ thống thông tin phục vụ chuyển đổi phải có tính năng chuyển đổi từ thông điệp dữ liệu sang văn bản giấy.

Việc đưa ra khái niệm chứng thư điện tử và đảm bảo giá trị pháp lý cho hình thức này là một bước đột phá lớn để thúc đẩy các hoạt động giao dịch điện tử trong các ngành, lĩnh vực và xã hội diễn ra toàn trình.

**Năm là,** về chữ ký điện tử, Luật Giao dịch điện tử cơ bản không thay đổi về nguyên tắc, chỉ khái quát hóa, sửa đổi, bổ sung quy định cụ thể về chữ ký điện tử, chữ ký điện tử chuyên dùng, chữ ký số. Công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài; công nhận chữ ký điện tử, chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài....

Theo Điều 23 của Luật về giá trị pháp lý của chữ ký điện tử thì:

Chữ ký điện tử không bị phủ nhận giá trị pháp lý chỉ vì được thể hiện dưới dạng chữ ký điện tử.

Chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn hoặc chữ ký số có giá trị pháp lý tương đương chữ ký của cá nhân đó trong văn bản giấy.

Trường hợp pháp luật quy định văn bản phải được cơ quan, tổ chức xác nhận thì yêu cầu đó được xem là đáp ứng đối với một thông điệp dữ liệu nếu thông điệp dữ liệu đó được ký bằng chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn hoặc chữ ký số của cơ quan, tổ chức đó.

Luật cũng quy định, chữ ký số là chữ ký điện tử đáp ứng đủ các yêu cầu sau đây: Xác nhận chủ thể ký và khẳng định sự chấp thuận của chủ thể ký đối với thông điệp dữ liệu; Dữ liệu tạo chữ ký số chỉ gắn duy nhất với nội dung của thông điệp dữ liệu được chấp thuận; Dữ liệu tạo chữ ký số chỉ thuộc sự kiểm soát của chủ thể ký tại thời điểm ký; Mọi thay đổi đối với thông điệp dữ liệu sau thời điểm ký đều có thể bị phát hiện; Phải được bảo đảm bởi chứng thư chữ ký số. Trường hợp chữ ký số chuyên dùng công vụ phải được bảo đảm bởi chứng thư chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ. Trường hợp chữ ký số công cộng phải được bảo đảm bởi chứng thư chữ ký số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng; Phương tiện tạo chữ ký số phải bảo đảm dữ liệu tạo chữ ký số không bị tiết lộ, thu thập, sử dụng cho mục đích giả mạo chữ ký; bảo đảm dữ liệu được dùng để tạo chữ ký số chỉ có thể sử dụng một lần duy nhất; không làm thay đổi dữ liệu cần ký.

**Sáu là,**về giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử là việc sử dụng thông điệp dữ liệu để tiến hành một phần hoặc toàn bộ giao dịch trong quá trình giao kết hợp đồng điện tử. Luật quy định giao Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định về giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử trong lĩnh vực thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được phân công, phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Theo Điều 36 của Luật quy định về nguyên tắc giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử:

Các bên có quyền thỏa thuận sử dụng thông điệp dữ liệu, phương tiện điện tử một phần hoặc toàn bộ trong giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử.  
Khi giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử, các bên có quyền thỏa thuận về yêu cầu kỹ thuật, điều kiện bảo đảm tính toàn vẹn, bảo mật có liên quan đến hợp đồng điện tử đó.

Việc giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử phải tuân thủ quy định của Luật này, quy định của pháp luật về hợp đồng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Bảy là,** giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước gồm: Giao dịch điện tử trong nội bộ cơ quan nhà nước; Giao dịch điện tử giữa các cơ quan nhà nước với nhau; Giao dịch điện tử giữa cơ quan nhà nước với cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Về dữ liệu mở, Điều 43 của Luật quy định, Dữ liệu mở của cơ quan nhà nước là dữ liệu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố rộng rãi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tự do sử dụng, tái sử dụng, chia sẻ. Cơ quan nhà nước công bố dữ liệu mở để cơ quan, tổ chức, cá nhân tự do sử dụng, tái sử dụng, chia sẻ nhằm thúc đẩy giao dịch điện tử, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và xã hội số.  
Về hoạt động của cơ quan nhà nước trên môi trường điện tử, Điều 44 của Luật quy định như sau:

Cơ quan nhà nước phải bảo đảm kết quả giải quyết thủ tục hành chính hoặc kết quả hoạt động công vụ khác không thuộc phạm vi bí mật nhà nước đều có văn bản điện tử có giá trị pháp lý như văn bản giấy, có thể truy cập và sử dụng được dưới dạng hoàn chỉnh. Cơ quan nhà nước phải tiếp nhận, giải quyết yêu cầu của tổ chức, cá nhân trên môi trường điện tử, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.  
Các lĩnh vực hoạt động của cơ quan nhà nước ưu tiên thực hiện toàn trình trên môi trường điện tử bao gồm: cung cấp dịch vụ công; công tác quản trị nội bộ; chỉ đạo, điều hành; giám sát, kiểm tra, thanh tra.

Cơ quan nhà nước phải sẵn sàng phương án trong tình huống khẩn cấp, trong tình huống xảy ra sự cố gián đoạn hoạt động trên môi trường mạng trực tuyến và phương án ứng cứu, khắc phục sự cố, duy trì hoạt động giao dịch bình thường.  
Cơ quan nhà nước được thuê chuyên gia từ ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định của pháp luật để tư vấn xây dựng cơ sở dữ liệu; thực hiện các hoạt động chuyên môn kỹ thuật về quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn thông tin mạng cho hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước.

**Tám là,**về hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử so với Luật Giao dịch điện tử (năm 2005), Luật Giao dịch điện tử mới đã bổ sung quy định cụ thể các loại hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử; tài khoản giao dịch điện tử; trách nhiệm của chủ quán hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử đặc biệt là với các nền tảng số trung gian phục vụ giao dịch điện tử có quy mô, số lượng người sử dụng tại Việt Nam hoặc số lượng truy cập hằng tháng từ người sử dụng tại Việt Nam lớn và rất lớn...

Theo đó, Hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử được phân loại theo chủ quản hệ thống thông tin; chức năng, tính năng của hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử; quy mô, số lượng người sử dụng tại Việt Nam hoặc số lượng truy cập hằng tháng từ người sử dụng tại Việt Nam.

Về tài khoản giao dịch điện tử Luật quy định: Tài khoản giao dịch điện tử được sử dụng để thực hiện giao dịch điện tử, nhằm lưu trữ lịch sử giao dịch và bảo đảm chính xác trình tự giao dịch của chủ tài khoản, có giá trị chứng minh lịch sử giao dịch của các bên tham gia theo quy định tại khoản 4 Điều này.

**ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU**

**LUẬT HỢP TÁC XÃ NĂM 2023**

**I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG.**

**1. Sự cần thiết cần phải ban hành Luật Hợp tác xã năm 2023**

Luật Hợp tác xã năm 2012 được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2012, có hiệu lực từ ngày 01/7/2013 đã thể chế hóa các chủ trương của Đảng về tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, tiếp cận gần hơn với bản chất, giá trị nguyên tắc của HTX trên thế giới.

Theo Báo cáo Tổng kết 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012, Luật Hợp tác xã năm 2012 đã bước đầu tác động tích cực đến tổ chức và hoạt động của các HTX. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, thực tiễn sau gần 10 năm triển khai thực hiện, Luật Hợp tác xã năm 2012 còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế cần được nghiên cứu, sửa đổi, hoàn thiện để phù hợp hơn với thực tiễn.  
Tại kỳ họp thứ 5, ngày 20/6/2023, với 94,33% đại biểu tham gia biểu quyết tán thành, Quốc Hội khoá XV đã thông qua Luật Hợp tác xã năm 2023. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024, thay thế Luật Hợp tác xã năm 2012.

**2. Vị trí, vai trò của Luật Hợp tác xã năm 2023.**

- Luật Hợp tác xã năm 2023 có 12 chương, 115 điều, quy định về thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể, phá sản và hoạt động có liên quan của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; chính sách của Nhà nước về phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Luật Hợp tác xã năm 2023 được ban hành đã tạo hành lang pháp lý thuận lợi, thông thoáng cho các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tham gia vào nền kinh tế - xã hội trong nước và hội nhập quốc tế. Đồng thời loại bỏ các quy định gây trở ngại gia nhập thị trường, xây dựng hệ sinh thái các tổ chức kinh tế hợp tác phát triển năng động, hiệu quả, bền vững, giúp nâng cao thu nhập của các thành viên và góp phần thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội.

- Thể chế hóa đầy đủ 08 nhóm chính sách của Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới và dành một Chương riêng cho các nhóm chính sách này để tạo động lực thúc đẩy các tổ chức kinh tế tập thể phát triển, bao gồm chính sách phát triển nguồn nhân lực, thông tin, tư vấn.

**II. NỘI DUNG CƠ BẢN VÀ ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT HỢP TÁC XÃ NĂM 2023**

1. **Khái quát chung về Luật hợp tác xã năm 2023.**

Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 (Luật Hợp tác xã 2023) đã được thông qua tại kỳ họp thứ V ngày tháng 6 năm 2023, Quốc hội khoá XVI và đưa có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024.

Luật Hợp tác xã năm 2023 có 12 chương, 115 điều, quy định về thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể, phá sản và hoạt động có liên quan của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; chính sách của Nhà nước về phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. **Những nội dung cơ bản của Luật hợp tác xã năm 2023.**

2.1.Chương I Những quy định chung.

2.2. Chương II chính sách của nhà nước về phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2.3. Chương III thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: gồm điều quy định

2.4. Chương IV. Thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2.5. Chương V. Tổ chức quản trị của hợp tác xã, liên hợp tác xã.

2.6.Chương VI. Tài sản, tài chính cửa hợp tqacs xã, liên hiệp hợp tác xã.

2.7. Chương VII. Tổ chức lại, giải thể, phá sản hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2.8. Chương VIII. Kiểm toán hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2.9. Chương IX. Tổ hợp tác.

2.10. Chương X. Tổ chức đại diện của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2.11. Chương XI. Quản lý nhà nước đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2.12. Chương XII. Điều khoản thi hành.

**3. Những điểm mới của Luật hợp tác xã năm 2023.**

**3.1. Bổ sung nhiều khái niệm liên quan đến hợp tác xã**

So với Luật Hợp tác xã 2012, Luật mới đã bổ sung thêm nhiều định nghĩa liên quan đến hợp tác xã và các hoạt động hợp tác xã, điển hình như:

- Hợp tác xã: Là tổ chức có tư cách pháp nhân do ít nhất 05 thành viên chính thức tự nguyện thành lập, hợp tác tương trợ trong sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung về kinh tế, văn hóa, xã hội của thành viên, góp phần xây dựng cộng đồng xã hội phát triển bền vững.

- Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức có tư cách pháp nhân do ít nhất 03 hợp tác xã là thành viên chính thức tự nguyện thành lập, hợp tác tương trợ trong sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh…

- Giao dịch nội bộ: Là việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ bao gồm cả dịch vụ tạo việc làm và hoạt động cho vay nội bộ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cho thành viên chính thức theo thỏa thuận bằng văn bản.

- Giao dịch bên ngoài: Là giao dịch của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không thuộc giao dịch nội bộ.

- Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã: Là văn bản bằng bản giấy hoặc bản điện tử ghi thông tin về đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã…

**3.2. Thêm hành vi bị nghiêm cấm liên quan đến hợp tác xã**

Điều 7 Luật Hợp tác xã 2023 đã bổ sung thêm nhiều hành vi bị nghiêm cấm liên quan đến hợp tác xã so với trước đây. Theo đó:

- Hành vi bị nghiêm cấm đối với cơ quan quản lý Nhà nước:

- Hỗ trợ, ưu đãi cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không đúng nguyên tắc, đối tượng, thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật;

- Lợi dụng quyền hạn để làm trái quy định của pháp luật về hỗ trợ, ưu đãi cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

- Gây chậm trễ, phiền hà, cản trở, sách nhiễu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã… trong đăng ký, hoạt động và thực hiện hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã…

- Hành vi bị nghiêm cấm đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các thành viên:

- Sử dụng nguồn lực hỗ trợ không đúng mục đích đã cam kết;

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn vì lợi ích cá nhân hoặc của một nhóm thành viên...

**3.3. Thêm quyền, nghĩa vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã**

Bên cạnh các quyền, nghĩa vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được ghi nhận trước đây, Điều 8, Điều 9 Luật Hợp tác xã 2023 đã bổ sung thêm một số quyền và nghĩa vụ sau:

- Về quyền của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

+Cho vay nội bộ theo quy định;

+Huy động vốn theo quy định;

+ Theo dõi riêng các khoản doanh thu, chi phí của giao dịch nội bộ và giao dịch bên ngoài;

+ Tham gia tổ chức đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã…

- Về nghĩa vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

+ Thực hiện công bố thông tin cho thành viên theo quy định tại Luật Hợp tác xã và công bố thông tin theo quy định của pháp luật có liên quan;

+ Bồi thường thiệt hại do hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gây ra cho thành viên theo quy định và Điều lệ;

+ Lập, cập nhật và lưu trữ sổ đăng ký thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn…

Trong đó, Luật Hợp tác xã 2023 cũng bổ sung thêm các quy định mới về Chế độ lưu trữ tài liệu (Điều 12); Công bố thông tin cho thành viên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Điều 14); Sổ đăng ký thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Điều 15).

**3.4. Bổ sung một Chương về chính sách phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã**

Đây được xem là một trong những điểm mới nổi bật tại Luật Hợp tác xã 2023. Cụ thể, Luật Hợp tác xã 2023 đã bổ sung thêm Chương II Chính sách của nhà nước về phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các chính sách này gồm:

* + Chính sách phát triển nguồn nhân lực, thông tin, tư vấn (Điều 20);
  + Chính sách đất đai (Điều 21);
  + Chính sách thuế, phí và lệ phí (Điều 22);
  + Chính sách tiếp cận vốn, bảo hiểm (Điều 23);
  + Chính sách ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Điều 24);
  + Chính sách tiếp cận và nghiên cứu thị trường (Điều 25);
  + Chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị (Điều 26);
  + Chính sách hỗ trợ tư vấn tài chính và đánh giá rủi ro (Điều 27);
  + Chính sách hỗ trợ hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp (Điều 28);

Theo đó, Điều 18 Luật Hợp tác xã 2023 nêu rõ, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được xem xét thụ hưởng chính sách trên khi đáp ứng các tiêu chí sau:

- Không trong thời gian thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính do vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm; không trong thười gian chấp hành bản án hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;

- Phát triển thành viên hoặc tăng tỷ lệ giá trị giao dịch nội bộ hoặc phát triển quỹ chung không chia, tài sản chung không chia hoặc thực hiện giáo dục, đào tạo cho thành viên, người lao động hoặc mới thành lập tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

- Có báo cáo kiểm toán trong trường hợp có yêu cầu.

*Thể chế hóa chính sách phát triển hợp tác xã (Ảnh minh họa)*

**3.5. Thêm điều kiện nhà đầu tư nước ngoài trở thành thành viên hợp tác xã**

Khoản 1 Điều 30 Luật Hợp tác xã 2023 bổ sung điều kiện để cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài trở thành thành viên hợp tác xã. Theo đó, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài muốn trở thành thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn của hợp tác xã phải có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư.

Ngoài ra, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài khi tham gia là thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn của hợp tác xã phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài;

- Điều kiện đảm bảo quốc phòng, an ninh theo quy định.

Trong đó, tổng số thành viên chính thức là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài phải chiếm tỷ lệ dưới 35% tổng số thành viên chính thức của hợp tác xã.

**3.6. Bổ sung quy định cho vay nội bộ trong hợp tác xã**

Luật Hợp tác xã 2023 đã bổ sung quy định về hoạt động cho vay nội bộ trong hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tại Điều 83.

Theo đó, cho vay nội bộ là việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cho thành viên chính thức vay trong thời hạn không quá 12 tháng nhằm hỗ trợ sản xuất, kinh doanh và đời sống trên nguyên tắc tự nguyện, tự chịu trách nhiệm, không vì mục tiêu lợi nhuận.

Đáng chú ý, việc cho vay phải bảo toàn vốn, có hoàn trả và bù đắp đủ các khoản chi phí của hoạt động cho vay nội bộ. Hoạt động cho vay nội bộ không phải là hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng.

Điều 83 Luật này cũng nêu rõ, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cho vay nội bộ khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tổ chức theo tổ chức quản trị đầy đủ và số lượng thành viên Ban kiểm soát tối thiểu từ 03 thành viên trở lên;

- Cho vay nội bộ sau khi đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, không sử dụng nguồn vốn huy động trong và ngoài thành viên để cho vay nội bộ;

- Ghi chép, theo dõi và hạch toán riêng hoạt động cho vay nội bộ;

- Cho vay nội bộ phải được Đại hội thành viên thông qua và quy định trong Điều lệ.

**ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU**

**LUẬT ĐẤU THẦU NĂM 2023**

**I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG.**

Luật Đấu thầu năm 2013 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2013, bao gồm 13 Chương, 96 Điều. Từ khi ra đời, Luật Đấu thầu năm 2013 được đánh giá đã khắc phục không ít “lỗ hổng” trong hoạt động đấu thầu, cải cách cơ bản và hiện đại hóa các quy định, thủ tục đấu thầu theo các nguyên tắc và tiêu chuẩn được quốc tế chấp nhận.

Trải qua 10 năm thi hành Luật Đầu thầu đã và đang cho thấy nhiều điểm vướng mắc, bất cập, thậm chí tạo ra những mâu thuẫn với các đạo luật khác. Vì vậy, việc sửa đổi Luật Đấu thầu là điều cần thiết nhằm tháo gỡ những khó khăn trong quá trình thực thi cho người dân và doanh nghiệp; đồng thời giúp hoàn thiện và đáp ứng yêu cầu thực tiễn của cuộc sống.

Theo đó, quá trình triển khai thi hành Luật Đấu thầu đã phát sinh một số hoạt động mua sắm, đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư nhưng chưa được quy định hoặc quy định chưa đầy đủ để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, thu hút đầu tư và đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

Đặc biệt, quy trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư chưa thống nhất, quy định về hình thức lựa chọn thầu, chỉ định thầu trong trường hợp đặc biệt còn thiếu cụ thể, chưa đáp ứng được điều kiện lựa chọn nhà thầu trong việc mua sắm đặc thù, hoặc mua sắm [phòng chống dịch bệnh](http://decuongtuyentruyen.com/tu-lieu/dich-covid-19-va-nhung-bat-cap-cua-bo-luat-lao-dong-2019/)…

Các quy định về phương thức đánh giá chưa thực sự tạo ra cơ chế hiệu quả linh hoạt trong mua sắm hàng hóa, dịch vụ công trình có chất lượng tốt, đáp ứng được yêu cầu sử dụng, nhất là việc mua sắm hóa chất, sinh phẩm, vật tư trang thiết bị y tế.

Ngoài ra, các quy định về đấu thầu còn thiếu quy định cụ thể về hồ sơ mời thầu trong khi đây là nội dung rất quan trọng, nếu quy định không chặt chẽ dẫn tới tình trạng “cài cắm” tiêu chí đánh giá, tạo sự cạnh tranh không [bình đẳng](http://decuongtuyentruyen.com/tim-hieu-luat/tong-hop-cac-quy-dinh-phap-luat-ve-binh-dang-gioi-o-viet-nam/), không lành mạnh trong quá trình tổ chức đấu thầu; một số quy định trong văn bản hướng dẫn thực thi luật chưa chặt chẽ, dẫn tới tình trạng tùy tiện trong phát hành hồ sơ mời thầu.

Từ những lý do trên Luật Đấu thầu (sửa đổi) được Quốc hội khoá XIV thông qua vào kỳ họp thứ V ngày 26/6/2023 gồm 10 Chương, 96 Điều và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

**II. NỘI DUNG CƠ BẢN VÀ ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT ĐẤU THẦU NĂM 2023.**

1. **Khái quát chung về Luật Đấu thầu năm 2023.**

Luật Đấu thầu (sửa đổi) được Quốc hội khoá XIV thông qua vào kỳ họp thứ V ngày 26/6/2023 gồm 10 Chương, 96 Điều và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

1. **Nội dung cơ bản và điểm mới của Luật Đấu thầu năm 2023.**

**2.1.Nội dung cơ bản của Luật đấu thầu năm 2023.**

-Chương I. Những Quy định chung.

- Chương II. Hình thức, phương thức lựa chọn nhà đầu tư.

- Chương III. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Chương IV.Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.

- Chương V. Mua sắm tập trung; mua thuốc, hoá chất, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm; cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.

- Chương VI. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu và xét duyệt trúng thầu.

- Chương VII. Hợp đồng.

- Chương VIII. Trách nhiệm của các bên trong hoạt động đấu thầu.

- Chương IX. Quản lý nhà nước đối với hoạt động đấu thầu.

- Chương X. Điều khoản thi hành.

**2.2. Những điểm mới của Luật đấu thầu năm 2023.**

- Về đối tượng áp dụng Luật Đấu thầu, Luật đã bổ sung điểm a, khoản 2, Điều 2 về hoạt động lựa chọn nhà thầu để thực hiện bao gồm: Các gói thầu thuộc dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước theo quy định của [Luật Doanh nghiệp](http://decuongtuyentruyen.com/de-cuong-luat/de-cuong-tuyen-truyen-luat-doanh-nghiep-sua-doi-nam-2020/) và doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- 09 nhóm hành vi bị cấm trong hoạt động đấu thầu tại Điều 16, Luật đã bổ sung thêm mục đích của hành vi trong quy định cấm hành vi thông thầu; bổ sung quy định cấm hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

- Luật đã bổ sung vào Điều 23, luật hóa một số trường hợp lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đã được quy định tại Quyết định số 17/2019 của Thủ tướng Chính phủ được áp dụng hình thức chỉ định thầu.

- Về chào hàng cạnh tranh tại Điều 24, Luật bổ sung quy định áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh đối với gói thầu hỗn hợp cung cấp hàng hóa và xây lắp đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 24; quy định về hình thức chào hàng cạnh đã cho phép áp dụng rộng rãi đối với các gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn, xây lắp, và hỗn hợp.

Bên cạnh đó, việc xác định tính chất đơn giản, phức tạp của công trình xây lắp thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư, người có thẩm quyền. Theo đó, khi xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư, người có thẩm quyền căn cứ quy định của pháp luật xây dựng về phân loại, phân cấp công trình và giá gói thầu để áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu cho phù hợp, trong đó có hình thức chào hàng cạnh tranh.

Luật đã bổ sung quy định về giá gói thầu, theo đó “Chính phủ quy định chi tiết về nội dung giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu” tại khoản 2 Điều 39 của dự thảo Luật.

**\* Bao quát các trường hợp mua hóa chất, thiết bị y tế**: Về đấu thầu tập trung, mua thuốc, hóa chất, thiết bị y tế, Luật đã sử dụng cụm từ “vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế” tại các điều khoản liên quan thay cho cụm từ ““thiết bị y tế, vật tư y tế.

Về lựa chọn nhà thầu cung cấp hóa chất, thiết bị y tế (Điều 55), Luật đã bao quát các trường hợp mua hóa chất, thiết bị y tế, trong đó đã quy định rõ việc chuyển giao quyền quản lý sử dụng/chuyển giao quyền sở hữu trong từng trường hợp mua sắm cụ thể. Đây là một mô hình mua sắm trọn gói bao gồm từ hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, bảo hành, bảo dưỡng…cũng như quyền sử dụng thiết bị y tế trong một thời gian nhất định.

Tại khoản 4 Điều này đã giao Chính phủ quy định chi tiết, cụ thể để thực hiện. Bên cạnh đó, bổ sung quy định tại điểm e khoản 1 của Điều 55 về trường hợp “Lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ kỹ thuật theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh”.

-Luật Đấu thầu (sửa đổi) quy định đối với trường hợp không thuộc danh mục bảo hiểm y tế chi trả và mua vacxin để tiêm chung theo hình thức dịch vụ tại khoản 2 Điều 55 như sau: “2. Đối với việc mua thuốc không thuộc danh mục thuốc do quỹ bảo hiểm y tế chi trả, mua vắc xin để tiêm chủng theo hình thức dịch vụ, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở y tế tự quyết định việc mua sắm trên cơ sở bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình”.

Luật cũng đã quy định hướng dẫn mua sắm thuốc, vật tư y tế của cơ sở khám chữa bệnh tư nhân tại khoản 3 Điều 55 như sau: “3. Trường hợp các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân không chọn áp dụng quy định của Luật này đối với mua thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế thì cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đó chỉ được thanh toán từ nguồn quỹ bảo hiểm y tế theo đúng giá mặt hàng thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế theo đơn giá đã trúng thầu của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập tuyến tỉnh, tuyến trung ương hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cùng cấp chuyên môn kỹ thuật trên cùng địa bàn; nếu không có giá trúng thầu của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập tuyến tỉnh, tuyến trung ương hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cùng cấp chuyên môn kỹ thuật trên cùng địa bàn thì thực hiện theo quy định của Chính phủ.”.

Bên cạnh đó, Luật quy định tại Điều 56 về ưu đãi cho các thuốc sản xuất trong nước và được Bộ Y tế chứng nhận đáp ứng các nguyên tắc, tiêu chuẩn quốc tế để tạo ra sự cạnh tranh với thuốc nhập khẩu.

Quy định này sẽ góp phần thúc đẩy các doanh nghiệp sản xuất dược tăng cường đầu tư thiết bị, dây chuyền hiện đại để sản xuất thuốc, nâng cao tính cạnh tranh với thuốc nhập khẩu, đồng thời đáp ứng được chất lượng điều trị, thời gian điều trị, góp phần tăng hiệu quả điều trị và tiết kiệm chi phí khám chữa bệnh cho người dân.

**\* Quy định mới về thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động đấu thầu**

Luật Đấu thầu (sửa đổi) đã bảo đảm đồng bộ, thống nhất với [Luật Xây dựng](https://youtu.be/kriQ9jmJjYs) và[Bộ Luật dân sự năm 2015](http://decuongtuyentruyen.com/tim-hieu-luat/dieu-kien-co-hieu-luc-cua-giao-dich-dan-su/), thể hiện cụ thể tại các Điều: 65, 67, 70, 71, 72  của dự thảo Luật.

Luật đã làm rõ hơn trách nhiệm quản lý nhà nước về đấu thầu tại Điều 84, đảm bảo tính thống nhất, tránh chồng chéo.

Để đảm bảo tính bao quát, Luật đã quy định mới về thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động đấu thầu tại Điều 86.

Luật Đấu thầu (sửa đổi) cũng quy định về trường hợp phát sinh tình huống chưa được quy định trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu (tại Điều 88); quy định về giải quyết kiến nghị trong hoạt động đấu thầu (Điều 89)

**ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU**

**Nghị định số 29/2023/NĐ-CP quy định về tinh giản biên chế**

**I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG.**

Ngày 03/6/2023, Chính phủ ban hành Nghị định 29/2023/NĐ-CP quy định về tinh giản biên chếcó hiệu lực thi hành từ ngày 20/7/2023.

Nghị định số 29/2023/NĐ-CP gồm 04 Chương, 21 Điều quy định về đối tượng, nguyên tắc, chính sách tinh giản biên chế và trách nhiệm thực hiện tinh giản biên chế trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến cấp xã.

**II. NỘI DUNG CƠ BẢN VÀ ĐIỂM MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2023/NĐ-CP.**

**1. Một số nội dung cơ bản của Nghị định:**

**- Chương I. Những Quy định chung gồm 04 điều (từ điều 1 - điều 4).**

**- Chương II. Chính sách tinh giản biên chế gồm 07 điều (từ điều 5 - điều 11).**

**- Chương III. Trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc thực hiện tinh giản biên chế gồm 06 điều (từ điều 12 - điều 17).**

**- Chương IV. Điều khoản thi hành gồm 04 điều (từ điều 18 - điều 21).**

**2. Những điểm mới của Nghị định số 29/2023/NĐ-CP**

**\* Thứ nhất: Bổ sung đối tượng tinh giản biên chế**

Cụ thể, [Nghị định 29/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-29-2023-ND-CP-tinh-gian-bien-che-558755.aspx) bổ sung một số đối tượng tinh giản biên chế, đơn cử như:

Cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn trong các cơ quan hành chính được áp dụng chế độ, chính sách như công chức theo quy định của Chính phủ, nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Dôi dư do sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

- Dôi dư do cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác hoặc bố trí được việc làm khác nhưng cá nhân tự nguyện tinh giản biên chế và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

- Cán bộ, công chức, viên chức đang trong thời gian bị kỷ luật nhưng chưa đến mức bị bãi nhiệm hoặc bị buộc thôi việc theo quy định của pháp luật tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế, được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

**\* Thứ hai: Sửa đổi quy định đối tượng chưa thực hiện tinh giản biên chế**

Theo Điều 4 [Nghị định 29/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-29-2023-ND-CP-tinh-gian-bien-che-558755.aspx), đối tượng chưa thực hiện tinh giản biên chế bao gồm:

- Những người đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, trừ trường hợp cá nhân tự nguyện tinh giản biên chế.

- Những người đang trong thời gian xem xét kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị thanh tra, kiểm tra do có dấu hiệu vi phạm.

**\*Thứ ba: Bãi bỏ 03 Nghị định về tinh giản biên chế**

[Nghị định 29/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-29-2023-ND-CP-tinh-gian-bien-che-558755.aspx) có hiệu lực từ ngày 20/7/2023; Các chế độ, chính sách quy định tại Nghị định này được áp dụng đến hết ngày 31/12/2030.

[Nghị định 29/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-29-2023-ND-CP-tinh-gian-bien-che-558755.aspx) thay thế các Nghị định sau đây:

- [Nghị định 143/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-143-2020-ND-CP-sua-doi-Nghi-dinh-108-2014-ND-CP-chinh-sach-tinh-gian-bien-che-445165.aspx) sửa đổi [Nghị định 108/2014/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Nghi-dinh-108-2014-ND-CP-chinh-sach-tinh-gian-bien-che-258044.aspx) về chính sách tinh giản biên chế và [Nghị định 113/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-113-2018-ND-CP-sua-doi-Nghi-dinh-108-2014-ND-CP-ve-chinh-sach-tinh-gian-bien-che-393041.aspx) sửa đổi [Nghị định 108/2014/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Nghi-dinh-108-2014-ND-CP-chinh-sach-tinh-gian-bien-che-258044.aspx) về chính sách tinh giản biên chế.

- [Nghị định 113/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-113-2018-ND-CP-sua-doi-Nghi-dinh-108-2014-ND-CP-ve-chinh-sach-tinh-gian-bien-che-393041.aspx) sửa đổi [Nghị định 108/2014/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Nghi-dinh-108-2014-ND-CP-chinh-sach-tinh-gian-bien-che-258044.aspx) về chính sách tinh giản biên chế.

- [Nghị định 108/2014/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Nghi-dinh-108-2014-ND-CP-chinh-sach-tinh-gian-bien-che-258044.aspx) về chính sách tinh giản biên chế.

**\*Thứ tư: Bổ sung chính sách nghỉ hưu trước tuổi với nữ cán bộ, công chức cấp xã**

Theo khoản 5 Điều 5 [Nghị định 29/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-29-2023-ND-CP-tinh-gian-bien-che-558755.aspx), đối tượng tinh giản biên chế là nữ cán bộ, công chức cấp xã có tuổi thấp hơn tối đa đủ 05 tuổi và thấp hơn tối thiểu đủ 02 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo [Nghị định 135/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Nghi-dinh-135-2020-ND-CP-tuoi-nghi-huu-445512.aspx) mà có đủ 15 năm đến dưới 20 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, ngoài hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội thì còn được hưởng các chế độ sau:

- Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi;

- Được hưởng trợ cấp 05 tháng tiền lương bình quân;

- Được trợ cấp 03 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo [Nghị định 135/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Nghi-dinh-135-2020-ND-CP-tuoi-nghi-huu-445512.aspx).

**\*Thứ năm: Bổ sung chính sách nghỉ hưu trước tuổi đối với cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã có tuổi thấp hơn tối đa đủ 10 tuổi và thấp hơn tối thiểu trên 05 tuổi so với tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội**

Cụ thể Điều 8 [Nghị định 29/2023/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-29-2023-ND-CP-tinh-gian-bien-che-558755.aspx) quy định chính sách nghỉ hưu trước tuổi đối với cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã có tuổi thấp hơn tối đa đủ 10 tuổi và thấp hơn tối thiểu trên 05 tuổi so với tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội như sau:

- Đối tượng tinh giản biên chế là cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã có tuổi thấp hơn tối đa đủ 10 tuổi và thấp hơn tối thiểu trên 05 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo [Nghị định 135/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Nghi-dinh-135-2020-ND-CP-tuoi-nghi-huu-445512.aspx) và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trở lên, ngoài hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội thì còn được hưởng các chế độ sau:

+ Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi;

+ Được trợ cấp 1,5 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo [Nghị định 135/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Nghi-dinh-135-2020-ND-CP-tuoi-nghi-huu-445512.aspx);

+ Được trợ cấp 05 tháng tiền lương bình quân cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội bắt buộc. Từ năm thứ hai mươi mốt trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương.

- Đối tượng tinh giản biên chế là nữ cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã có tuổi thấp hơn tối đa đủ 10 tuổi và thấp hơn tối thiểu trên 05 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo [Nghị định 135/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Nghi-dinh-135-2020-ND-CP-tuoi-nghi-huu-445512.aspx) mà có đủ 15 năm đến dưới 20 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, ngoài hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội thì còn được hưởng các chế độ sau:

+ Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi;

+ Được hưởng trợ cấp 05 tháng tiền lương bình quân;

+ Được trợ cấp 1,5 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo [Nghị định 135/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Nghi-dinh-135-2020-ND-CP-tuoi-nghi-huu-445512.aspx).

**ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU**

**Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố**

**I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG.**

Ngày 10 tháng 6 năm 2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2023.

Nghị định có 4 chương 40 điều. Nghị định bãi bỏ các Nghị định:

- Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;

- Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 về công chức xã, phường, thị trấn;

- Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

- Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Tại nơi tổ chức mô hình chính quyền đô thị theo Nghị quyết của Quốc hội và quy định của Chính phủ, nếu có những quy định khác với những quy định tại Nghị định này về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố thì thực hiện theo quy định của Nghị quyết của Quốc hội và quy định của Chính phủ.

**II. NỘI DUNG CƠ BẢN VÀ ĐIỂM MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 33/2023/NĐ-CP.**

**1. Một số nội dung cơ bản của Nghị định:**

- Chương I. Những Quy định chung gồm 4 điều (từ điều 1 – điều 4).

- Chương II. Cán bộ, công chức cấp xã gồm 9 mục, 28 điều (từ điều 5 – điều 32).

- Chương III. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố gồm 04 điều (từ điều 33 – điều 36).

- Chương IV. Điều khoản thi hành gồm 04 điều (từ điều 37 – điều 40).

**2. Những điểm mới của Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố:**

***Một là, về chức danh cán bộ, công chức cấp xã (Khoản 2 Điều 5):*** Công chức cấp xã còn 6 chức danh: Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự; Văn phòng - thống kê; Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã); Tài chính - kế toán; Tư pháp - hộ tịch; Văn hóa - xã hội (so với trước, không quy định chức danh công chức Trưởng Công an xã do đã bố trí Công an chính quy ở cấp xã).

***Hai là, quy định về số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (Điều 6 và Điều 33)*:** Trên cơ sở khoán tổng số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo quy định thì đối với phường loại I - II - III tương ứng số lượng là 23 - 21 - 19 người, đối với xã và thị trấn loại I - II – III sẽ tương ứng là 22 - 20 - 18 người; đối với khoán tổng số lượng người hoạt động không chuyên trách ở  cấp xã theo quy định hiện hành thì cấp xã loại I - II - III tương ứng là 14 - 12 - 10 người. Ngoài ra, Nghị định bổ sung quy định tăng thêm (không khống chế tối đa) số lượng công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở đơn vị hành chính cấp xã có quy mô dân số, diện tích tự nhiên cao hơn so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15),

***Ba là, về số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố (khoản 6 Điều 33):*** Thôn, tổ dân phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, không phải là một cấp chính quyền, theo đó Nghị định tiếp tục quy định 03 chức danh người hoạt động không chuyên trách (gồm Bí thư chi bộ, Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng Ban công tác Mặt trận) và những người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố. Đồng thời, phân cấp cho UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quy định cụ thể chức danh, số lượng người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố thuộc phạm vi quản lý cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

***Bốn là, về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, bầu cử, tuyển dụng, bãi nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, nghỉ hưu, khen thưởng, kỷ luật, đánh giá, xếp loại, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quản lý và chế độ tiền lương, phụ cấp đối với cán bộ, công chức cấp xã:*** Nghị định quy định rõ tiêu chuẩn (khung năng lực từ đại học trở lên, trừ trường hợp luật hoặc điều lệ của tổ chức có quy định khác) và nhiệm vụ (bản mô tả công việc) của từng chức vụ, chức danh (vị trí việc làm) cán bộ, công chức cấp xã. Trường hợp đang là cán bộ, công chức cấp xã mà chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn thì quy định ở điều khoản chuyển tiếp theo hướng trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Nghị định có hiệu lực thi hành phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định. Hết thời hạn này mà chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định thì thực hiện chế độ nghỉ hưu (nếu đủ điều kiện) hoặc thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo quy định của Chính phủ; Việc tuyển dụng và bổ nhiệm chức danh công chức Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã (thực hiện theo quy định của pháp luật về dân quân tự vệ);

***Năm là, quy định rõ hơn về phụ cấp kiêm nhiệm chức vụ, chức danh cán bộ, công chức cấp xã (Điều 20)*:** Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm chức vụ, chức danh cán bộ, công chức cấp xã khác với chức vụ, chức danh hiện đảm nhiệm mà giảm được 01 người trong số lượng cán bộ, công chức cấp xã được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định này thì kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức lương (bậc 1), cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có) của chức vụ, chức danh kiêm nhiệm; phụ cấp kiêm nhiệm chức vụ, chức danh không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Trường hợp cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp quy định đối với chức danh kiêm nhiệm. Đồng thời, giao UBND cấp huyện quyết định chức danh được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm trong trường hợp số lượng chức danh bố trí kiêm nhiệm lớn hơn số lượng cán bộ, công chức giảm được so với số được giao theo quy định tại Nghị định này.

***Sáu là, về chế độ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và chế độ hỗ trợ đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố (khoản 2 Điều 34):*** Nghị định quy định tăng mức khoán quỹ phụ cấp người hoạt động không chuyên trách ở mỗi ĐVHC cấp xã loại I - II - III tương ứng từ 16,0 - 13,7 - 11,4 lần mức lương cơ sở lên 21 - 18 - 15 lần mức lương cơ sở (tăng trung bình từ 1,14 lần mức lương cơ sở/01 người lên mức 1,5 lần mức lương cơ sở/01 người). Ngoài mức khoán quỹ phụ cấp này, đối với những ĐVHC cấp xã có quy mô dân số, diện tích tự nhiên cao hơn so với tiêu chuẩn quy định được tăng thêm người hoạt động không chuyên trách thì cứ tăng 01 người hoạt động không chuyên trách so với quy định được tăng quỹ phụ cấp khoán 1,5 lần mức lương cơ sở/01 người tăng thêm; Tăng mức khoán quỹ phụ cấp từ 3,0 - 5,0 lần mức lương cơ sở đối với mỗi loại thôn, tổ dân phố hiện nay lên mức 4,5 - 6,0 lần mức lương cơ sở.

***Bảy là, Nghị định quy định cụ thể hơn về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, bầu cử, tuyển chọn, tiếp nhận, sử dụng, quản lý, đánh giá xếp loại, khen thưởng, kỷ luật và bãi nhiệm, miễn nhiệm, thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã***; đồng thời, để bảo đảm phù hợp với đặc điểm, tình hình của từng địa phương và đẩy mạnh việc phân cấp, Nghị định quy định giao thẩm quyền cho UBND cấp tỉnh quy định cụ thể về việc quản lý, sử dụng đối với từng chức vụ, chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã cho phù hợp với thực tiễn của từng địa phương.